TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2024.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Khắc Chương.

- Ông Cao Đình Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lịch – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 19, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn T** sinh năm 1977; Trú tại: Tổ 19, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau, chung sống đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T đã có người phụ nữ khác (đi đi về về giữa hai nơi), khi ông T đi về thì gây gổ, kiếm chuyện với bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T sinh ngày 04/10/2000 và Nguyễn Hoài P sinh ngày 07/3/2009. Đối với con chung tên Nguyễn Nhật T sinh ngày 04/10/2000 đã thành niên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P sinh ngày 07/3/2009 cho đến ngày thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P, mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng bà không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn T: Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 03/3/2024 ông T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H, vì ông và bà H không hòa hợp được với nhau trong hôn nhân và ông cũng không còn tình cảm gì với bà H nữa.

- Về con chung: Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P, mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết; do ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, xử cho bà H với ông T ly hôn; giao con chung tên Nguyễn Hoài P cho bà H nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung tên Phương

mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên; tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà H với bị đơn ông T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn T chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu nhau, ông bà chung sống với nhau đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H nguyên nhân mâu thuẫnn là do ông T đã có người phụ nữ khác (đi đi về về giữa hai nơi), khi ông T đi về thì gây gổ, kiếm chuyện với bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H với ông T đã trầm trọng, kéo dài từ tháng 10/2023 đến nay. Ông T bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử, không có thiện chí hòa giải và xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông T đồng ý ly hôn với bà H, tại phiên tòa bà H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn vì ông T đã có người phụ nữ khác nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông T là không thể hàn gắn, bà H với ông T không còn tình cản vợ chồng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà H với ông T có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T sinh ngày 04/10/2000 và Nguyễn Hoài P sinh ngày 07/3/2009. Đối với con

chung tên Nguyễn Nhật T sinh ngày 04/10/2000 đã thành niên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P sinh ngày 07/3/2009 cho đến ngày thành niên. Xét thấy, ông T không có ý kiến gì về con chung, con chung tên Nguyễn Nhật T đã thành niên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Đối với con chung tên Nguyễn Hoài P hiện đang ở với bà H, bà H yêu cầu nuôi cháu Phương cho đến ngày thành niên, cháu Phương cũng có nguyễn vọng ở với mẹ, do đó để đảm bảo cho cháu Phương có cuộc sống ổn định, phát triển mọi mặt về thể chất và tinh thần nên giao cháu Phương cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng:* Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P, mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy, bà H là người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu ông T cấp dưỡng và mức cấp dưỡng bà H yêu cầu là phù hợp, ông T cũng có ý kiến đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P mức 2.000.000 đồng/tháng. Nên buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P, mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên là phù hợp.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H và ông T tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về yêu cầu ly hôn, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, Điều 58, Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài P sinh ngày 07/3/2009 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoài P sinh ngày 07/3/2009, mức 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày con chung thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn. Bà H đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003554 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Buộc ông Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (Số 88, quyển số 01/2009);
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Cao Đình Nhân **Nguyễn Thị Lan Hương** **Lê Thị Phượng Diễm**